

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 419/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1977. Địa chỉ: đường P, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Ông Đỗ Thế T, sinh năm 1975. Địa chỉ: đường P, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/02/2003 thì bà Võ Thị Kim H và ông Đỗ Thế T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Kim H và ông Đỗ Thế T.

Về con chung: bà H và ông T có 04 (bốn) con chung là Đỗ Thị Mỹ D, sinh ngày 01/01/2000 (đã thành niên), Đỗ Thị Mỹ L, sinh ngày 21/02/2004, Đỗ Thị Mỹ Q, sinh ngày 12/11/2011 và Đỗ Thế Anh T, sinh ngày 15/5/2014. Hai bên thỏa thuận giao bà H nuôi con chung Đỗ Thế Anh T; giao ông Thắng nuôi 02 (hai) con chung Đỗ Thị Mỹ L và Đỗ Thị Mỹ Q. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H và ông T do không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà H và ông T khai không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Thị Kim H và ông Đỗ Thế T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Kim H và ông Đỗ Thế T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim H và ông Đỗ Thế T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông T có 04 (bốn) con chung là Đỗ Thị Mỹ D, sinh ngày 01/01/2000, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đỗ Thị Mỹ L, sinh ngày 21/02/2004; Đỗ Thị Mỹ Q, sinh ngày 12/11/2011 và Đỗ Thế Anh T, sinh ngày 15/5/2014. Hai bên thỏa thuận giao cho giao bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thế Anh T; Giao ông T trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung Đỗ Thị Mỹ L và Đỗ Thị Mỹ Q. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà H và ông T vì không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà H và ông T khai không có.

Về lệ phí thuận tình ly hôn: Bà Võ Thị Kim H và ông Đỗ Thế T phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do bà H và ông T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0030387 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND Phường N, quận S, TP Đà Nẵng
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 17, quyền số 01/2003 ngày 10/02/2003).
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu